TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 73/2017/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 29 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Thế Nghiệp;
2. Ông Nguyễn Văn Tráng;

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 23/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc **"*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con*"** *giữa:*

Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T với anh Nguyễn Văn Đ.

- **Về con chung tên:** Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 17/8/2002 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 24/11/2004 hiện đang sống với chị T, nguyện vọng của cháu Trúc P và cháu Hoàng L được sống chung với chị T, tại phiên tòa chị T và anh Đ tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau: chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 17/8/2002 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 24/11/2004.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, về nợ chung, số nợ phải thu phải chi*: Tại phiên tòa chị T và anh Đ cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: chị Trần Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0012562 ngày 29/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí, anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh